

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
II.1	Phòng học		
1	Phòng học kiên cố	13	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
II.2	Phòng chức năng	15	
1	Phòng Hiệu trưởng	1	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	
3	Văn phòng trường	1	
4	Phòng dành cho nhân viên	2	
5	Phòng bảo vệ	1	
6	Khu để xe	2	
7	Hội trường	1	
8	Phòng họp	1	
9	Phòng y tế	1	
10	Phòng giáo dục thể chất	1	
11	Phòng hành chính quản trị		
12	Phòng tin học		
13	Phòng Tiếng Anh	1	
14	Thư viện	1	
15	Phòng đa năng		
16	Phòng khác		
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4800	12
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1200	3
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1340	3,2
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	1061	2,5

3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	225	0,5			
4	Diện tích sân chơi (m ²)	264	0,6			
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)					
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	183	0,4			
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	165	0,4			
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)					
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	13/13			
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định					
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12				
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)					
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Ti vi	13	13/13			
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	19	19/13			
3	Máy photo	4				
4	Catsset					
5	Đầu Video/đầu đĩa	17				
6	Thiết bị khác					
7	Bàn ghế đúng quy cách	500				
8	Thiết bị khác...					
		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		146/156		0,5
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

**TM. NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**



Vũ Thị Thúy Nga